

PHÁP HOA THẬP LA SÁT PHÁP

Việt dịch: HUYỀN THANH

Trước tiên, muốn kết Ấn, có thể nhập vào **Thích Ca Định Ấn**

1_ Đạo Trường Ấn: Hai tay, Đan Tuệ (2 ngón út) cài chéo nhau bên trong, đặt hai Thủy (2 ngón vô danh) như cái vòng, đều đem hai Không (2 ngón cái) đè móng hai Hỏa (móng 2 ngón giữa), các ngón còn lại đều trụ đầu ngón liền thành. **Minh** (Vidya) ở Phẩm 28

2_ Pháp Hoa Ấn: Đem hai Thủy (2 ngón vô danh) , hai Hỏa (2 ngón giữa) cùng cài chéo nhau bên trong. Dùng Đan Độ (ngón út phải) đè đầu Lực (ngón trở trái), đem Phong (ngón trở phải) đè Trí (ngón cái trái), đem Thiên (ngón cái phải) vịn Tuệ (ngón út trái) liền thành. Chú là:

“Tát phộc đạt ma bôn đồ lê già, an nhĩ mạn nhĩ”

*)SARVA-DHARMA PUNḌARĪKA ANYE MANYE

3_ La Sát: Hai tay đều đem Thủy (ngón vô danh) móc lưng Hỏa (ngón giữa), lại dùng Không (ngón cái) khều móng Thủy (ngón vô danh), Đem Hữu Phong (ngón trở phải) đè Tả Tuệ (ngón út trái) , liền đem Hữu Hỏa (ngón giữa phải) đè đầu Tả Lực (đầu ngón trở trái), lại đem Hữu Đan (ngón út phải) đè Tả Nguyệt (ngón giữa trái) liền thành. Chú là:

“Đát diệt tha: Nhĩ lý nhĩ lý, mẫu lâu mẫu lâu, hộ, sa bà hạ”

*)TADYATHĀ: MILI MILI MURU MURU HOḤ SVĀHĀ

4_ Dùng Ấn trước, đặt tay trái ở trên liền thành. Chú là:

“Đát nề dã tha: Nhĩ lý nhĩ lý, mẫu hộ, sa bà hạ”

*)TADYATHĀ: MILI MILI MUHU SVĀHĀ

5_ Dùng Ấn trước, mỗi mỗi đều riêng biệt chung lưng, đem Đan Tuệ (2 ngón út) cùng hướng vào nhau, lại đem Hữu Phong (ngón trở phải) móc Tả Lực (ngón trở trái) liền thành. Chú là:

“Ấn, bát vạn Kim Cương Đồng Tử, ca na ca na, hộ tô hộ tô, phạt phạt phạt”
(Hướng Quỷ Môn Lôi Điện Bị Đả Ấn)

*)OM_ AṢṬĀNĀM VAJRA-KUMĀRA- LAKṢAṆĀM KĀṆA KĀṆA HUTU HUTU PHAṬ PHAṬ PHAṬ

6_ La Sát Phộc Ấn: Dùng Ấn trước, liền đem ngón cái cùng giao nhau, hai Thủy (2 ngón vô danh) xen kẽ đè bên trên hai Địa (2 ngón út), lại co hai Phong (2 ngón trở) móc đầu nhau đè đầu Không (ngón cái) thì thành. Chú là:

“Y đề lý (v.v.... như Kinh nói đàm nhận Lý, tụng La Sát Chú)”

ॐ(ॐ) ॐ(ॐ) ॐ(ॐ) ॐ(ॐ) ॐ(ॐ) ॐ(ॐ) ॐ(ॐ) ॐ(ॐ) ॐ(ॐ) ॐ(ॐ)
ॐ(ॐ) ॐ(ॐ) ॐ(ॐ) ॐ(ॐ) ॐ(ॐ) ॐ(ॐ) ॐ(ॐ) ॐ(ॐ) ॐ(ॐ) ॐ(ॐ)

*)ITIME ITIME ITIME ITIME ITIME _NIME NIME NIME NIME NIME
NIME _RUHE RUHE RUHE RUHE _STUHE STUHE STUHE STUHE STUHE

7_ Tu Đa La Tạng Ân: Hai Hỏa (2 ngón giữa) cùng giao nhau bên ngoài hai bàn tay, đem hai Thủy (2 ngón vô danh) móc bên trên, lại đặt hai Không (2 ngón cái) dính đầu ngón, hai Địa (2 ngón út) giao nhau nhập vào bên trong. Chú là:
(Không có ghi bài Chú này)

8_ La Sát Hộ Pháp Hoa Tạng Ân: Hai tay đều từ phía sau Hỏa (ngón giữa) vượt qua, đem móc lấy hai Thủy (2 ngón vô danh), Phong Chỉ (ngón trỏ) cùng giao nhau, lại đều điều chỉnh hai Địa (2 ngón út) hai Không (2 ngón cái) thành cái vòng hợp lại. Chú là:

“**Án, tậ dụng tông, hữu tra**” (Bản khác ghi là Hoa Sen)

*)OM_ STVAM VUṬṬA

9_ La Sát Vi Trần Đà Lạc Ân: Hai tay đều đem hai Hỏa (2 ngón giữa) móc lưng Thủy (ngón vô danh) tức hai bên trái phải cùng nắm chặt tay. Lại giữ Hữu Địa (ngón út phải) đè mặt Tả Lực Độ (ngón trỏ trái), lại Hữu Phong (ngón trỏ phải) đè trên Tả Trí (ngón cái trái), đem Tả Tuệ (ngón út trái) đè trên Hữu Thiên (ngón cái phải) thì thành. Chú là:

“**Án, chú phật trí, toa ha**”

*)OM_ SUPĀṬHI SVĀHĀ

10_ Thiên Địa Ma Mục Đại Phộc Ân: Úp tay trái, ngửa tay phải. Liên đem Hữu Địa (ngón út phải) đều móc Tả Tuệ (ngón út trái) cài chéo nhau, đem Hữu Thủy (ngón vô danh phải) móc Tả Nguyệt (ngón giữa trái), liên đều đem Không (ngón cái) khóa nối tiếp (tỏa liên) hợp lưng, đem Hữu Hỏa (ngón giữa phải) móc Tả Phương Độ (ngón vô danh phải) cùng hợp nhau thì thành. Chú là:

“**Án, trang điệp đô la phộc lệ, phộc lệ đô, cấm phộc, cấm phộc, ác ác**”.

HÌNH DẠNG CỦA MƯỜI VỊ LA SÁT:

Lam Bà (Lambā): Hình như Dược Xoa (Yaksa), áo màu xanh, tay phải cầm chày Độc Cổ để ngang vai phải, tay trái cầm tràng hạt (niệm châu). Dựng đứng đầu gối trái mà ngồi, khuôn mặt có màu thịt.

Tỳ Lam Bà (Vilambā): Hình như Long Vương, như mặt trăng tròn đầy, như hương về biển lớn. Tay phải cầm Phong Vân (gió mây), tay trái nắm tràng hạt (niệm châu), áo có màu xanh lục biếc, khuôn mặt màu trắng đứng trước đài gương.

Khúc Xi (Kūṭadantī): Hình như Thiên Nữ Tiên, áo màu xanh, cúi mặt xuống, phía trước nâng hương hoa, quỳ dài hoặc ngồi Bán Già.

Hoa Xi (Puṣpa-danti): Hình như Ni Nữ, áo màu tía, tay phải cầm hoa, tay trái cầm cái bàn hoa, hơi cúi mặt

Hắc Xi (Makuṭa-danti): Hình như Thần Nữ, áo màu tuyết đẹp, tay phải cầm cây xoa, tay trái cầm bình Quân Trì giống như hình Thủ Hộ, ngồi Bán Già.

Đa Phát (Keśīni): Hình như Đồng Tử, mặt như trăng tròn đầy có màu thịt như Càn Đát Nữ, tay phải cầm cái vòng bằng đồng, tay trái như múa, quỳ dài.

Vô Yếm Túc (Acalā): Hình như hình của Đỉnh Kinh, luôn thủ hộ, áo màu đơn sơ kém cỏi hơn.

Trì Anh Lạc (Mālā-dhāri): Hình như Cát Tường Thiên Nữ, hai tay trái phải cầm Anh Lạc (chuỗi ngọc), áo màu vàng ròng, mặt có màu thịt, ngồi Kiết Già.

Bạch Hạnh Đế (Kuntī): Hình như hình Đỉnh Minh Nữ, áo màu xanh hồng, tay phải nắm cái xiêm, tay trái cầm chày Độc Cổ như hình đánh đập vật, ngồi dựng đầu gối.

Đoạt Nhất Thiết Y Chúng Sinh Tinh Khí (Sarvasattvojahāri): Hình như Nữ Phạm Thiên Đế Thích, khoác áo sắt, mặc giáp. Trên đỉnh xuất ra cái đầu ngựa, hình phần nộ, tay phải cầm chày, tay trái cầm Tam Cổ, áo màu tạp sắc, ngồi Kiết Già.

Bát La Sát Chú là:

“**Án, đế lý đế lý, hề hề bỉ, hồng, tông, hồng, phát tra**”

*)OM_ DHĪRI DHĪRI HE HE VIḤ HŪM VAM HŪM PHAT

Thập La Sát Bát Long Vương Nhiếp Hộ Thân Chú:

Nan Đà, Bạt Nan Đà đấng, bộ loại quyền thuộc đến hộ giúp Ta.

Có thể nói: “**Gia, Gia, Gia**” (?thêm nữa, thêm nữa, thêm nữa)

Tự Phạm, Phương Tiện Thí Dụ Phạm

Tín Giải, Dược Thảo, Thọ Ký Phạm

Hóa Thành, Ngũ Bách Đệ Tử Phạm

Thọ Học Vô Học, Pháp Sư Phạm

Đa Bảo Phật Tháp, Đề Bà Phạm

Khuyến Trì, An Lạc, Dũng Xuất Phạm

Như Lai Thọ Lượng Phân Biệt Phạm

Tùy Hỷ, Pháp Sư Công Đức Phạm

Bất Khinh, Thần Lực, Chúc Lụy Phạm

Dược Vương, Diệu Âm Bồ Tát Phạm

Phổ Môn, Đà La Ni, Nghiêm Vương Phạm

Phổ Hiền Bồ Tát, Khuyến Phát Phạm

(Dùng Chú bên trên)

Thập La Sát Bản Tâm Chú là:

“**Án, đất diệt tha: Y trí minh (1) Y trí minh, để minh (2) lô nhị lô nhị (3) tát đà ha, tát đà ha (4) tát bà, cửu bà ha**”

*)OM_ TADYATHĀ: ITIME ITIME NIME _ RUHE RUHE _ STUHE STUHE SARVA SVĀHĀ

Lại **Chú** là:

1_ **Án, phộc la đà, phộc đặc mê hổ bát, sa ha**

*)OM_ VARADA PADME HŪM PHAT SVĀHĀ

2_ **Án, ha la ha la, lý hề, sa ha**

*)OM_ HĀRĀ HĀRA RIHE SVĀHĀ

3_ **Án, nam đà, cát la ni, toa ha**

*)OM_ NANDA KARANI SVĀHĀ

4_ **Án, đế ma lý, đế ma lý, toa ha**

*)OM_ DHĪVARĪ DHĪVARĪ SVĀHĀ

5_ **Án, bát la ni, bát la ni, ni đà lý, toa ha**

*)OM_ PRANĪ PRANĪ NIDHRĪ SVĀHĀ

6_ **Án, câu cập, đà la ni, đà la ni, toa ha**

*)OM_ KUKṢI DHARANI DHARANI SVĀHĀ

7_ **Án, sa lý sa lý, ca la đế, ca la đế, toa ha**

*)OM_ SĀRĪ SĀRĪ KĀLATĪ KĀLATĪ SVĀHĀ

8_ **Án, nễ đà nễ đà, khế đà khế, đà la ni, toa ha**

*)OM_ NĪTA NĪTA KHĀTAKA DHARANI SVĀHĀ

9_ **Án, bách đế bách đế, chân đà, toa ha**

*)OM_ PATI PATI CINTĀ SVĀHĀ

10_ **Án, tất lý, bát lý khả tỳ la đế, toa ha**

*)OM_ ŚRĪ-PARIKHĀ VĪRATE SVĀHĀ

Hết

Hiệu chỉnh xong vào ngày 12/07/2014